góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

T.M. Ủy ban thường vụ Quốc hội
Chủ tịch
TRƯỜNG-CHINH

THÔNG CÁO
của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Ngày 26 và 27 tháng 12 năm 1969, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã họp phiên thường lệ dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội Trường-Chinh.

Tham dự phiên họp này có các vị đại diện của Hội đồng Chính phủ, của Tòa án nhân dân tối cao và của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Ủy ban thường vụ Quốc hội đã nghe đồng chí Phạm Văn Bạch, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, và đồng chí Hoàng Quốc Việt, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, báo cáo về công tác năm 1969 và nhiệm vụ, công tác năm 1970 của ngành tòa án nhân dân và của ngành kiểm sát nhân dân.

Ủy ban thường vụ Quốc hội đã cho ý kiến về phương hướng công tác và nhiệm vụ trước mắt của hai ngành tòa án nhân dân và kiểm sát nhân dân.

Ủy ban thường vụ Quốc hội nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta hãy phát huy mạnh mẽ tinh thần làm chủ tập thể, hết sức đề cao cảnh giác, kiên quyết đấu tranh chống bọn phản cách mạng, chống các hành động vi phạm pháp luật của Nhà nước, bảo vệ trật tự, trị an xã hội và tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền dân chủ của nhân dân, góp phần giữ gìn pháp chế xã hội chủ nghĩa, nhằm phục vụ đắc lực sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

PHỦ CHỦ TỊCH

LỆNH số 173-LCT ngày 22-12-1969 của Chủ tịch nước Việt-nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu « đơn vị anh hùng » cho 23 đơn vị và danh hiệu « anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân » cho 17 cán bộ và chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang nhân dân.

LỆNH CỦA CHỦ TỊCH
NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Căn cứ vào điều 63 của Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa;

Căn cứ vào nghị quyết số 835-NQ/TVQH ngày 19-12-1969 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Nay, tặng danh hiệu « đơn vị anh hùng » cho 23 đơn vị và danh hiệu « anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân » cho 17 cán bộ và chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang nhân dân đã lập được nhiều thành tích rất xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Có danh sách kèm theo(1).

Hà-nội, ngày 22 tháng 12 năm 1969
Chủ tịch
nước Việt-nam dân chủ cộng hòa
TÔN ĐỨC THẮNG

CÁC BỘ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

QUYẾT ĐỊNH số 49-QĐ ngày 16-10-1969 ban hành thể lệ cho vay ngắn hạn đối với các công ty vật tư nông nghiệp.

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

Căn cứ quyết định số 171-CP ngày 26-10-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước Việt-nam;

Căn cứ quyết định của Hội đồng Chính phủ số 104-CP ngày 8-9-1962 về việc giao nhiệm vụ cung cấp tư liệu sản xuất nông nghiệp cho Bộ Nông nghiệp phụ trách và quyết định số 147-CP ngày 12-9-1967 về việc phân công kinh doanh tư liệu sản xuất nông nghiệp;

Để giúp đỡ các công ty vật tư nông nghiệp thực hiện nhiệm vụ thu mua, dự trữ, cung cấp các loại vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp,

(1) Không đăng bản danh sách.

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo quyết định này thể lệ cho vay ngắn hạn đối với các công ty vật tư nông nghiệp.

Điều 2. — Thể lệ cho vay ngắn hạn đối với các công ty vật tư nông nghiệp này được áp dụng kể từ ngày ban hành. Các chỉ thị sau đây trái với thể lệ trên đều bãi bỏ:

— Chỉ thị số 12-TD/NLND ngày 4-3-1964
— Chỉ thị số 855-TD/NLND ngày 14-11-1964
— Chỉ thị số 190-TD/NLND ngày 14-10-1967
— Chỉ thị số 142-TD/NLND ngày 27-10-1965

Điều 3. — Ông Cục trưởng Cục cho vay nông lâm ngư diêm có nhiệm vụ giải thích và hướng dẫn thi hành thể lệ này.

Điều 4. — Các ông Chánh văn phòng, Cục trưởng Cục cho vay nông lâm ngư diêm và các ông Trưởng chi nhánh, Trưởng chi điếm ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 16 tháng 10 năm 1969
K.T. Tổng giám đốc
Ngân hàng Nhà nước Việt-nam
Phó tổng giám đốc
DINH VĂN BÀY

THỂ LỆ

cho vay ngắn hạn đối với các công ty vật tư nông nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp.

(Ban hành theo quyết định số 49-QĐ ngày 16-10-1969 của Ngân hàng Nhà nước Việt-nam)

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Mục A: Mục đích cho vay.

Điều 1. — Ngân hàng Nhà nước cho các công ty vật tư nông nghiệp vay vốn nhằm mục đích:

1. Bảo đảm đầy đủ, kịp thời các nhu cầu vốn cần thiết cho công ty để thực hiện tốt kế hoạch thu mua, dự trữ, cung cấp vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp;

2. Thông qua công tác cho vay, ngân hàng làm nhiệm vụ kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh doanh, tài vụ của công ty, giúp công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ, thúc đẩy luân chuyển vốn, sử dụng vốn hợp lý, giảm chi phí lưu thông, góp phần tăng cường củng cố chế độ hạch toán kinh tế.

Mục B: Nguyên tắc cho vay.

Điều 2. — Ngân hàng Nhà nước cho các công ty vật tư nông nghiệp vay vốn phải bảo đảm đầy đủ các nguyên tắc cơ bản của tín dụng xã hội chủ nghĩa sau đây:

1. Vốn vay phải sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng đã ghi trong kế hoạch và chỉ được nhận tiền vay theo mức thực hiện kế hoạch;

2. Vốn vay phải hoàn trả lại trong thời hạn nhất định theo kế hoạch luân chuyển vật tư hoặc giấy kỳ hạn nợ nhưng dài nhất không quá 12 tháng;

3. Vốn vay phải có giá trị vật tư tương đương bảo đảm và vật tư đó phải thực sự dùng được cho sản xuất, vốn vay phải sử dụng gắn liền với việc luân chuyển vật tư.

Mục C: Điều kiện cho vay.

Điều 3. — Các công ty vật tư nông nghiệp vay vốn của Ngân hàng Nhà nước phải có các điều kiện sau đây:

1. Đơn vị vay vốn đã thi hành chế độ hạch toán kinh tế, được Nhà nước cấp vốn lưu động định mức, cấp bù lỗ kế hoạch (nếu đơn vị có lỗ) đầy đủ, kịp thời, được quyền giao dịch, ký hợp đồng với các tổ chức kinh tế;

2. Phải chấp hành nghiêm chỉnh các nguyên tắc, thể lệ cho vay, chế độ quản lý tiền mặt, chế độ thanh toán của Ngân hàng Nhà nước và phải mở tài khoản tại ngân hàng;

3. Trước mỗi kỳ kế hoạch năm, quý, công ty phải gửi đến ngân hàng phục vụ mình, theo đúng thời hạn quy định của ngân hàng, bảng kế hoạch vay vốn trả nợ kèm theo các bảng kế hoạch kinh doanh (kế hoạch mua vào, bán ra và tồn kho có ghi số lượng và giá trị), kế hoạch tài vụ đã được cấp trên xét duyệt;

4. Hàng tháng và sau mỗi kỳ kế hoạch quý, năm, công ty phải gửi cho ngân hàng:

— Báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh tháng, quý, năm,

— Quyết toán quý, năm kèm theo các bản phụ quyết toán và chi tiết tài khoản.

Ngoài ra để phục vụ cho việc nghiên cứu, công ty còn phải cung cấp những tài liệu cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng.

5. Mỗi lần vay vốn, công ty phải làm đầy đủ các thủ tục giấy tờ hoặc xuất trình đầy đủ các chứng từ, hóa đơn hợp lệ.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mục D: Các loại cho vay.

Điều 4. — Căn cứ vào tính chất, đặc điểm kinh doanh của các công ty vật tư nông nghiệp và theo nội dung kinh tế của việc sử dụng vốn, Ngân hàng Nhà nước quy định các loại cho vay chính sau đây:

1. Cho vay luân chuyển và dự trữ hàng hóa,
2. Cho vay phí vận chuyển hàng hóa,
3. Cho vay thu mua,
4. Cho vay nhu cầu tạm thời.

Ngoài các loại cho vay trên, Ngân hàng Nhà nước còn cho các công ty vật tư nông nghiệp vay thanh toán, sửa chữa lớn như đối với các tổ chức kinh tế khác theo thể lệ cho vay hiện hành.

Chương II

NỘI DUNG CHO VAY, THU NỢ CỦA TỪNG LOẠI CHO VAY

A. Cho vay luân chuyển và dự trữ hàng hóa.

Mục I: Đối tượng cho vay.

Điều 5. — Ngân hàng Nhà nước cho các công ty vật tư nông nghiệp vay để thanh toán tiền mua hàng theo kế hoạch bao gồm các đối tượng sau đây:

1. Các loại phân bón hóa học;
2. Các loại trâu bò cày kéo, trâu bò chăn nuôi, trâu bò sinh sản;
3. Các loại thuốc trừ sâu và bơm thuốc trừ sâu;
4. Các loại hạt giống cây trồng;
5. Các loại máy móc công cụ, cơ khí nhỏ dùng trong nông nghiệp;
6. Các loại thuốc thú y và dụng cụ thú y;
7. Vật tư chăn nuôi, nghi khí thí nghiệm, hóa chất dùng để sản xuất thuốc thú y.

Các đối tượng cho vay quy định trên căn cứ quyết định của Hội đồng Chính phủ số 104-CP ngày 8-9-1962 về việc giao nhiệm vụ cung cấp tư liệu sản xuất nông nghiệp cho Bộ Nông nghiệp phụ trách và quyết định số 147-CP ngày 12-9-1967 về việc phân công kinh doanh tư liệu sản xuất nông nghiệp.

Điều 6. — Các loại hàng hóa sau đây không thuộc đối tượng cho vay luân chuyển và dự trữ hàng hóa:

1. Vật tư dự trữ của Nhà nước (dự trữ đặc biệt);
2. Vật tư dùng làm thí nghiệm;
3. Vật tư ứ đọng, mất phẩm chất;
4. Vật tư dự trữ quá thời hạn sử dụng;
5. Vật tư luân chuyển ngoài 12 tháng;
6. Các loại vật liệu phụ, bao bì, nhiên liệu, vật rẻ tiền mau hỏng, phí dợi phân bổ... (thuộc vốn phí hàng hóa).

Vật tư nhập về trước hoặc sau kế hoạch, vật tư mua đột xuất không ghi trong kế hoạch ngân hàng sẽ xét tùy trường hợp có thể cho vay nhu cầu tạm thời.

Mục II: Cách cho vay.

Điều 7. — Hàng quý, căn cứ kế hoạch kinh doanh (kế hoạch mua vào, bán ra, tồn kho), kế hoạch định mức vốn lưu động (định mức cả năm) của công ty vật tư nông nghiệp đã được cấp trên xét duyệt, ngân hàng tham gia cho vay trong phạm vi kế hoạch đó. Mức dư nợ cuối quý căn cứ kế hoạch tồn kho của quý đó sau khi trừ phần vốn ngân sách cấp phát theo định mức kế hoạch.

Điều 8. — Do nhu cầu vốn cần thiết để dự trữ vật tư có tính chất thời vụ, nên vốn ngân hàng tham gia cho vay (dư nợ) vào tồn kho kế hoạch từng quý không nhất thiết theo đúng tỷ lệ quy định của Nhà nước mà có thể xê xích trên dưới 50%, nhưng dư nợ các quý phải bảo đảm kế hoạch dư nợ bình quân cả năm không vượt quá 50% vốn lưu động định mức của năm kế hoạch.

Trong quá trình cho vay, Ngân hàng khống chế và kiểm soát vật tư mua vào và dự trữ tồn kho theo từng nhóm hàng.

Điều 9. — Khi cho vay, ngân hàng căn cứ vào kế hoạch mua vào và các chứng từ, hóa đơn đòi nợ của đơn vị bán hàng xét để giải quyết. Số tiền cho vay căn cứ vào giá trị của những vật tư, hàng hóa mua vào theo kế hoạch tính theo giá mua. Giá mua phải theo giá chỉ đạo của Nhà nước ghi trong kế hoạch hoặc ghi trong hợp đồng.

Điều 10. — Ngân hàng cho công ty vật tư nông nghiệp vay theo tài khoản cho vay đặc biệt, nên công ty chỉ phải làm đơn xin vay lần đầu. Các số tiền cho vay đều ghi vào bên Nợ của tài khoản cho vay đặc biệt và chuyển trả cho các đơn vị bán hàng, hoặc trả nợ vay thanh toán về thư tín dụng, séc định mức của ngân hàng, v.v...

Mục III: Cách thu nợ.

Điều 11. — Tất cả tiền thu về bán hàng thuộc vốn hàng hóa và các khoản tiền thu khác có liên quan đến vốn vay ngân hàng đều ghi Có vào tài khoản cho vay đặc biệt để trả nợ, tuyệt đối không được giữ lại để chi các khoản khác. Ngân hàng không thu nợ trên các khoản thu không thuộc vốn hàng hóa như: tiền bán bao

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

bị, tiền thu về kinh doanh phụ, tiền bán tài sản cố định, v.v...

Điều 12.— Căn cứ vào số tiền bán hàng thực nộp vào ngân hàng (số thu bên Có của tài khoản cho vay đặc biệt trừ các khoản thu không thuộc vốn hàng hóa (nếu có)' và khoản trả nợ của tiền vay giấy tờ thanh toán), từng định kỳ 5 ngày hoặc 10 ngày một lần; công ty vật tư nông nghiệp được trích tiền chênh lệch giữa giá mua và giá bán (lãi gộp) theo tỷ lệ lãi gộp kế hoạch của quý hoặc năm đã được cấp trên duyệt.

Điều 13.— Tiền chênh lệch giữa giá mua và giá bán (lãi gộp) được trích hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của công ty để bù đắp vào chi phí lưu thông, nộp thuế, lãi (nếu có).

Điều 14.— Sau mỗi tháng, ngân hàng cùng với công ty dựa trên số liệu hàng hóa đã bán ra (cơ cấu từng mặt hàng đã bán) và tiền bán hàng thực thu nộp vào ngân hàng trong tháng, sơ bộ tính toán số tiền đã trích để điều chỉnh dần. Sau mỗi quý, căn cứ vào báo cáo quyết toán hoặc bảng cân đối tài khoản, ngân hàng cùng với công ty tính toán điều chỉnh tiền chênh lệch đã trích với số được trích cho đúng. Trường hợp số đã trích ít hơn số được trích thì công ty được trích thêm, ngược lại, số đã trích nhiều hơn số được trích thì công ty phải hoàn trả lại số tiền thừa bằng cách trích tài khoản tiền gửi thanh toán để trả, nếu tài khoản không có tiền thì ngân hàng chuyển qua nợ quá hạn và sẽ khấu trừ vào số được trích các kỳ kế tiếp của tháng sau để thu.

B. Cho vay phí vận chuyển hàng hóa.

Mục I: Cách cho vay.

Điều 15. — Ngân hàng cho công ty vật tư nông nghiệp vay về phí vận chuyển hàng hóa trong những trường hợp cần thiết khi hàng mua vào nhiều, vận chuyển đường xa, khối lượng lớn, phí vận chuyển nhiều, mà tiền trích chênh lệch giữa giá mua và giá bán của công ty không đủ bù đắp.

Điều 16. — Khi cần vay về phí vận chuyển, công ty phải có kế hoạch vận chuyển hàng hóa và hợp đồng vận chuyển. Khi cho vay, ngân hàng sẽ căn cứ vào các chứng từ đòi nợ của đơn vị vận tải như vận đơn hoặc phiếu giao hàng kèm theo hóa đơn đồng thời phải xem xét số dư trên tài khoản tiền gửi thanh toán của công ty còn nhiều hay ít mà quyết định số tiền cho vay.

Điều 17. — Ngân hàng cho vay về phí vận chuyển hàng hóa theo tài khoản cho vay đơn giản. Mỗi lần vay vốn, công ty phải làm khế ước vay tiền kiêm kỳ hạn nợ. Ngân hàng sẽ mở tiểu khoản cho vay về phí vận chuyển hàng hóa để theo dõi loại cho vay này. Số tiền cho vay mỗi lần đều chuyển trả thẳng cho đơn vị vận tải.

Điều 18. — Về thời hạn nợ, căn cứ vào kế hoạch bán hàng từng tháng mà quy định cho thích hợp, nhưng dài nhất không quá 90 ngày.

Mục II: Cách thu nợ.

Điều 19. — Phí vận chuyển là một phần của phí lưu thông hàng hóa, do đó khi trích tiền chênh lệch giữa giá mua và giá bán (lãi gộp) công ty phải dành một phần trong số tiền đó để trả nợ về loại này.

Số tiền trả nợ từng lần thì tùy theo số tiền được trích nhiều hay ít mà ấn định, nhưng phải bảo đảm trả hết nợ theo thời hạn đã ghi trong khế ước.

C. Cho vay thu mua.

Mục I: Đối tượng cho vay.

Điều 20. — Công ty vật tư nông nghiệp là đơn vị quản lý kinh doanh nhưng không trực tiếp thu mua, mà ủy nhiệm cho các trạm vật tư huyện làm nhiệm vụ thu mua, nên chi nhánh ngân hàng tỉnh, thành phố cũng ủy nhiệm cho các chi điếm ngân hàng trực tiếp cho các trạm vật tư huyện vay thu mua.

Điều 21. — Ngân hàng Nhà nước cho các trạm vật tư huyện vay vốn để thu mua các loại vật tư hàng hóa của khu vực hợp tác hoặc của cá thể mà không thể áp dụng loại cho vay luân chuyển và dự trữ hàng hóa được. Các loại vật tư, hàng hóa này bao gồm :

1. Trâu bò cày kéo, trâu bò chăn nuôi và trâu bò sinh sản ;
2. Các loại hạt giống cây trồng (cây lương thực, cây công nghiệp, cây phân xanh...).

Mục II: Cách cho vay.

Điều 22. — Hàng quý chi nhánh ngân hàng tỉnh, thành phố và công ty vật tư nông nghiệp thống nhất kế hoạch thu mua (quy định nơi thu mua của từng loại hàng), kế hoạch vay vốn và phân phối kế hoạch đó về các huyện. Chi điếm ngân hàng căn cứ vào kế hoạch thu mua, kế hoạch vay vốn (có ghi chi tiết cụ thể số lượng, mặt hàng, đơn giá, thu mua bằng chuyển khoản, hay bằng tiền mặt...) của trạm vật tư huyện xét để cho vay.

Điều 23. — Tùy theo cách thu mua bằng chuyển khoản hay bằng tiền mặt, ngân hàng giải quyết cho vay như sau :

1. Trường hợp thu mua bằng chuyển khoản,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

thì căn cứ vào các chứng từ, hóa đơn đòi nợ của đơn vị bán hàng xét để giải quyết cho vay. Căn cứ vào giá trị từng loại vật tư thu mua ghi trên chứng từ, hóa đơn và theo giá chỉ đạo của Nhà nước ghi trong kế hoạch hoặc trong hợp đồng thu mua mà quyết định số tiền cho vay.

2. Trường hợp thu mua bằng tiền mặt, thì tiến hành cho vay như sau :

a) Thu mua có tính chất thường xuyên và địa điểm thu mua ở xa chi điếm thì ngân hàng cho vay ứng trước một số tiền để làm quỹ thu mua. Số tiền cho vay được ấn định theo mức cần thiết trên nguyên tắc bảo đảm đủ vốn thu mua đồng thời tránh để vốn ứ đọng, tuyệt đối không được ứng quá mức quy định.

b) Thu mua có tính chất từng đợt, thì ngân hàng cho vay từng lần. Căn cứ vào số lượng từng loại vật tư thu mua trong đợt tính theo giá kế hoạch để ấn định số tiền cho vay.

Điều 24. — Mức vốn cho vay thu mua trong quý (bằng chuyển khoản hay bằng tiền mặt) chỉ được ấn định trong phạm vi kế hoạch vốn của chi nhánh ngân hàng tỉnh, thành phố đã phân phối. Trường hợp thu mua có khả năng vượt kế hoạch, thì chi điếm phải kịp thời báo cáo về chi nhánh để xin thêm chỉ tiêu rồi mới được cho vay. Riêng về trâu bò nếu thu mua vượt kế hoạch thì chi điếm có thể tiếp tục cho vay và báo cáo về chi nhánh để bổ sung chỉ tiêu.

Điều 25. — Căn cứ vào giấy ủy nhiệm của công ty vật tư nông nghiệp cho trạm vật tư huyện xin mở tài khoản, chi điếm ngân hàng sẽ mở cho trạm một tiểu khoản cho vay thu mua. Trạm vật tư huyện phải đăng ký ở chi điếm ngân hàng mẫu con dấu và chữ ký của thủ trưởng hoặc người được ủy quyền ký giấy tờ. Tất cả số tiền cho vay thu mua đều ghi vào bên Nợ của tiểu khoản này và tùy theo từng trường hợp thu mua và cách thu mua mà trả bằng chuyển khoản hay bằng tiền mặt cho người bán hàng.

Điều 26. — Sau mỗi lần thu mua, trạm vật tư huyện phải báo cáo kết quả thu mua về số lượng từng loại vật tư và giá trị để ngân hàng xét và tiếp tục cho vay lần tới. Số tiền mặt cho vay thu mua lần tới được ấn định như sau :

a) Trường hợp cho vay bổ sung quỹ thu mua, thì số tiền mặt cho vay lần sau tương ứng với số tiền mặt mà trạm đã xuất ra thu mua lần trước theo chứng từ, hóa đơn của trạm đã xuất trình. Trường hợp thu mua lần sau nhiều hoặc ít hơn lần trước thì ngân hàng căn cứ vào tình hình cụ thể mà ấn định số tiền cho vay cho thích hợp với nhu cầu vốn thu mua (tăng hoặc giảm quỹ thu mua).

b) Trường hợp cho vay thu mua từng lần, thì số tiền mặt cho vay lần sau được ấn định theo điều 23, điểm b nói trên. Số tiền mặt cho vay lần trước nếu trạm thu mua còn thừa thì tính vào số tiền mặt cho vay thu mua lần sau, nếu thu mua lần sau kế tiếp với thu mua lần trước.

Mục III : Cách thu nợ.

Điều 27. — Đối với các khoản cho vay thu mua bằng chuyển khoản thì cuối mỗi ngày phải thanh toán. Đối với các khoản cho vay thu mua bằng tiền mặt, thì sau mỗi lần thu mua chậm lắm 5 ngày đối với nơi thu mua gần hoặc 10 ngày đối với nơi thu mua xa chi điếm phải thanh toán.

Căn cứ vào các chứng từ cho vay, bảng kê vật tư đã thu mua kèm theo hóa đơn của trạm mà thanh toán bằng cách ghi vào bên Có tiểu khoản cho vay thu mua (xem như thu nợ) đồng thời chuyển số nợ đó về ngân hàng trực tiếp cho công ty vay để ghi Nợ vào tài khoản cho vay đặc biệt về luân chuyển và dự trữ hàng hóa.

Điều 28. — Khi kết thúc đợt thu mua thì phải tất toán tiểu khoản cho vay thu mua ; nếu tiền vay thu mua còn thừa thì trạm phải trả lại cho chi điếm. Nếu trạm không có tiền để trả, thì chi điếm lập báo cáo có chữ ký xác nhận của trạm gửi về ngân hàng trực tiếp cho công ty vay để thu hồi, nếu công ty không có tiền thì chuyển qua nợ quá hạn.

Điều 29. — Cuối mỗi tháng, chi điếm căn cứ vào số dư nợ từng ngày ghi ở tiểu khoản cho vay thu mua để tính lãi và chuyển về ngân hàng trực tiếp cho công ty vay để thu.

D. Cho vay nhu cầu tạm thời.

Mục I : Đối tượng và thời hạn cho vay.

Điều 30. — Vật tư, hàng hóa nói ở điều 5 trên cũng là vật tư, hàng hóa thuộc đối tượng cho vay nhu cầu tạm thời. Nhưng những vật tư, hàng hóa đó do mua vào vượt kế hoạch hoặc bán ra không đạt kế hoạch hay mua đột xuất ngoài kế hoạch do điều kiện khách quan gây nên thì mới được Ngân hàng Nhà nước cho vay nhu cầu tạm thời.

Điều 31. — Thời hạn cho vay thì tùy tình hình cụ thể mà quy định cho sát nhưng dài nhất không quá 90 ngày. Trường hợp đặc biệt cần gia hạn thì chi nhánh ngân hàng tỉnh, thành phố báo cáo về Ngân hàng trung ương để giải quyết.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mục II: Cách cho vay.

Điều 32. — Khi vay vốn nhu cầu tạm thời, công ty vật tư nông nghiệp phải làm đơn xin vay gửi đến ngân hàng kèm theo báo cáo cụ thể về tình hình, nguyên nhân cần dự trữ và khả năng tiêu thụ của vật tư để ngân hàng xét cho vay.

Điều 33. — Tùy từng trường hợp, từng mặt hàng mà ngân hàng quyết định số tiền cho vay và quy định thời hạn trả nợ. Số tiền cho vay được ấn định căn cứ vào các chứng từ, hóa đơn đòi nợ của đơn vị bán hàng và chuyển trả thẳng cho đơn vị bán. Khi vay, công ty phải làm khế ước vay tiền kiêm giấy kỳ hạn nợ.

Điều 34. — Mức vốn cho vay về nhu cầu tạm thời đối với ngành vật tư nông nghiệp do ngân hàng tỉnh, thành phố quyết định trong phạm vi kế hoạch vốn của Ngân hàng trung ương phân phối chung cho các ngành kinh tế trong tỉnh.

Mục III: Cách thu nợ.

Điều 35. — Việc thu nợ về nhu cầu tạm thời được thực hiện bằng cách:

1. Công ty điều chỉnh kế hoạch kinh doanh đưa vật tư đó vào luân chuyển thì ngân hàng cho vay luân chuyển và dự trữ hàng hóa đồng thời thu nợ cho vay nhu cầu tạm thời.

2. Công ty được ngân sách cấp vốn dự trữ về loại vật tư đó thì ngân hàng thu nợ ngay không phải chờ đến hạn.

3. Khi công ty bán vật tư dự trữ tạm thời thì tiền bán hàng phải dùng trả nợ ngân hàng.

Chương III

LÃI SUẤT CHO VAY

Điều 36. — Mức lãi cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước đối với các công ty vật tư nông nghiệp áp dụng biểu lãi suất ban hành theo nghị định số 94-TTg/TN ngày 10-10-1964 của Hội đồng Chính phủ.

Chương IV

XÂY DỰNG VÀ XÉT DUYỆT KẾ HOẠCH VAY VỐN

Điều 37. — Hàng năm và từng quý, công ty vật tư nông nghiệp phải lập kế hoạch vay vốn, trả nợ gửi đến ngân hàng phục vụ mình kèm theo kế hoạch kinh doanh và tài vụ của công ty như quy định ở điều 3, điểm 3; kế hoạch năm phải gửi trước 40 ngày, kế hoạch quý phải gửi trước 20 ngày của kỳ kế hoạch.

Điều 38. — Căn cứ vào các kế hoạch của công ty vật tư nông nghiệp gửi đến, ngân hàng xét duyệt kế hoạch vay, trả và kế hoạch dư nợ cuối quý đối với từng loại cho vay và thông báo cho công ty biết để thực hiện.

Điều 39. — Trường hợp cần điều chỉnh các kế hoạch luân chuyển và dự trữ vật tư, kế hoạch tài vụ, kế hoạch vay vốn,... thì công ty phải gửi bảng kế hoạch điều chỉnh đó đến ngân hàng không chậm quá 10 ngày sau khi được cấp trên xét duyệt.

Chương V

KIỂM TRA VỐN VAY VÀ KỶ LUẬT TÍN DỤNG

Điều 40. — Hàng tháng ngân hàng căn cứ vào bảng cân đối tài khoản hoặc số liệu trên các tài khoản chủ yếu của công ty vật tư nông nghiệp tiến hành kiểm tra số tiền cho vay, thu nợ trong tháng và dư nợ cuối tháng; xem xét việc luân chuyển vật tư, dự trữ hàng hóa, việc sử dụng vốn vay và trả nợ nhằm giúp công ty thực hiện tốt kế hoạch.

Điều 41. — Sau mỗi quý, ngân hàng căn cứ vào báo cáo quyết toán của công ty vật tư nông nghiệp gửi đến để tiến hành tính toán giá trị vật tư tồn kho thực tế đối chiếu với dư nợ cho vay cuối quý (sau khi loại trừ vật tư hàng hóa không được tính bảo đảm) nhằm kiểm tra mức độ bảo đảm vốn vay của ngân hàng và thực hiện việc điều chỉnh nợ.

Đối với loại cho vay thu mua, việc kiểm tra phải tiến hành thường xuyên sau từng đợt hoặc từng lần thu mua không phải chờ đến cuối tháng, cuối quý.

Điều 42. — Khi kiểm tra bảo đảm và điều chỉnh nợ, ngân hàng sẽ căn cứ vào tình hình cụ thể và tùy theo từng trường hợp mà xử lý như sau:

1. Trường hợp vật tư thừa bảo đảm thì ngân hàng có thể xét cho vay thêm nếu công ty yêu cầu.

2. Trường hợp vật tư thiếu bảo đảm thì:

— Nếu do khách quan gây nên làm cho vật tư hàng hóa thiếu hụt, hoặc đơn vị chưa được cấp đủ vốn, thì ngân hàng cùng với công ty tìm biện pháp giải quyết và quy định thời hạn trả nợ, sau thời gian đó nếu công ty không giải quyết được, ngân hàng mới chuyển số nợ thiếu vật tư qua nợ quá hạn.

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 www.ThuVienPhapLuat.com

— Nếu do chủ quan gây ra như việc quản lý vật tư, tiền vốn của công ty không tốt, sử dụng vốn sai mục đích làm cho tài sản hao hụt, mất mát,... thì ngân hàng thu hồi số nợ thiếu vật tư về, nếu công ty không có tiền để trả, thì chuyển qua nợ quá hạn.

Đối với nợ quá hạn, ngân hàng tính lãi kể từ ngày số nợ thực tế quá hạn và theo mức lãi nợ quá hạn quy định trong biểu lãi suất nói ở điều 36 trên.

Điều 43. — Đối với những công ty hoạt động kinh doanh tốt, chấp hành đầy đủ chế độ, thể lệ tín dụng của ngân hàng, thì ngân hàng có ưu đãi thích đáng trong một số trường hợp đặc biệt như: khi công ty chưa kịp thời lập và gửi kế hoạch cũng được ngân hàng tạm thời giải quyết cho vay hoặc khi cần thiết ngân hàng có thể cho trích trước tiền chênh lệch giữa giá mua và giá bán để chi tiêu, v.v...

Điều 44. — Trường hợp đơn vị vay vốn hoạt động kém, vi phạm chế độ, nguyên tắc tín dụng, thanh toán, quản lý tiền mặt nhiều lần, ngân hàng tích cực giúp đỡ nhưng đơn vị không khắc phục thì trước hết ngân hàng quy định trong thời hạn 3 tháng đơn vị phải tìm mọi biện pháp sửa chữa, đồng thời báo cáo lên cấp trên của đơn vị để giúp đỡ. Trong thời gian này ngân hàng có thể hạn chế việc cho vay đối với một số mặt hàng chưa cấp thiết phục vụ sản xuất. Sau thời gian nói trên nếu những thiếu sót chưa được khắc phục thì ngân hàng đình chỉ việc cho vay đến khi sự việc được giải quyết ngân hàng mới tiếp tục cho vay lại. Trong thời gian này, nếu công ty cần vay vốn thì phải có sự bảo lĩnh bằng vật chất của cấp trên trực tiếp quản lý công ty.

Chương VI

DIỀU KHOẢN PHỤ

Điều 45. — Thể lệ này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế các chỉ thị đã ban hành trước đây về việc cho vay ngắn hạn đối với các công ty vật tư nông nghiệp:

— Chỉ thị số 12-TD/NLND ngày 4-3-1964
— Chỉ thị số 855-TD/NLND ngày 14-11-1964
— Chỉ thị số 190-TD/NLND ngày 14-10-1965
— Chỉ thị số 142-TD/NLND ngày 27-10-1967

Hà-nội, ngày 16 tháng 10 năm 1966
K.T. Tổng giám đốc
Ngân hàng Nhà nước Việt-nam
Phó tổng giám đốc
ĐINH VĂN BÀY

BỘ NGOẠI THƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH số 1161-BNgT/TCCB ngày 23-12-1969 đổi tên Công ty xuất nhập khẩu Hải-phòng thành Công ty xuất nhập khẩu hải súc sản (MERANIMEX — Hải-phòng).

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ nghị định số 203-CP ngày 23-11-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Ngoại thương;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay đổi tên Công ty xuất nhập khẩu Hải-phòng (địa chỉ điện tín: Coxunk) thành Công ty xuất nhập khẩu hải súc sản.

Trụ sở của Công ty đặt tại Hải-phòng.

Địa chỉ điện tín: MERANIMEX—Hải-phòng.

Điều 2. — Các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ và ông Chủ nhiệm công ty xuất nhập khẩu hải súc sản chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 23 tháng 12 năm 1969
K.T. Bộ trưởng
Bộ Ngoại thương
Thứ trưởng
NGUYỄN CHANH

ỦY BAN KIẾN THIẾT CƠ BẢN NHÀ NƯỚC

THÔNG TƯ số 462-UB/CT ngày 19-11-1969 về phòng, diệt mối cho các công trình xây dựng cơ bản.

Từ nhiều năm nay công tác phòng, diệt mối chưa được các ngành chú trọng đúng mức. Cơ quan thiết kế hầu như không đề cập đến các biện pháp phòng, diệt mối trong công tác điều tra, thiết kế. Đơn vị thi công chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định ngâm tẩm, bảo quản gỗ trong nghị định số 10-CP ngày 26-4-1960 của Thủ tướng Chính phủ, thông tư số 04-UB/CQL

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com